

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 146/TTr-SNN ngày 08 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có

hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT. *Bn*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]

Vương Quốc Nam



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1879 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

PHẦN I.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SÓC TRĂNG**

Số thứ tự	Tên thủ tục hành chính	Số trang
01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	4
02	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	19
03	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	25
04	Xóa đăng ký tàu cá	31
05	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	35
06	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	52
07	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	76
	Tổng số: 07 thủ tục.	

PHẦN II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SÓC TRĂNG

01. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

- Trình tự thực hiện: *(sửa đổi, bổ sung)*

* **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ: Số 19 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

* **Bước 2:**

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Công chức tiếp nhận kiểm tra thành phần và tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì ra phiếu hẹn, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản xem xét tính đầy đủ của hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung.

* **Bước 3:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi cục Thủy sản có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, vào sổ đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, Chi cục Thủy sản trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* **Bước 4:** Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng theo phiếu hẹn hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- Thành phần, số lượng hồ sơ: *(sửa đổi, bổ sung)*

* **Hồ sơ đối với tàu đóng mới gồm:**

+ Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản.

+ Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế.

+ Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

+ Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên.

*** Hồ sơ đối với tàu cải hoán gồm:**

+ Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế.

+ Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

+ Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ.

+ Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*** Hồ sơ đối với tàu được mua bán, tặng cho gồm:**

+ Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế.

+ Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

+ Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định.

+ Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu.

+ Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

*** Hồ sơ đối với tàu nhập khẩu gồm:**

+ Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế.

+ Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

+ Bản sao có chứng thực văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền.

+ Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng.

+ Bản sao có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan.

+ Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

*** Hồ sơ đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần gồm:**

+ Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế.

+ Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

+ Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng.

+ Bản chụp có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan.

+ Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

+ Bản chính văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp.

+ Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đề nghị.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản tỉnh Sóc Trăng.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI và cấp Sổ danh bạ thuyền

viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*

- **Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** *(sửa đổi, bổ sung)*

Khoản 3 Điều 70 Luật Thủy sản quy định:

* Tàu cá được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Có giấy tờ chứng minh về sở hữu hợp pháp tàu cá.

+ Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với tàu cá quy định phải đăng kiểm.

+ Có giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký tàu cá đối với trường hợp thuê tàu trần; giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá đối với trường hợp nhập khẩu, mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Chủ tàu cá có trụ sở hoặc nơi đăng ký thường trú tại Việt Nam.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** *(sửa đổi, bổ sung)*

+ Luật Thủy sản năm 2017.

+ Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

+ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN(*)

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CMND:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá/tàu công vụ thủy sản(*) với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề phụ:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

Ghi chú: () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCNXX , ngày... tháng ... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Địa chỉ:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU
CƠ SỞ ĐÓNG TÀU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....

Nơi cải hoán, sửa chữa:.....

Địa chỉ:.....

Thời gian thực hiện: từ ngày tháng năm..... đến ngày thángnăm.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế:

Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m):

Lmax=.....; Bmax=.....;

D=..... Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m):

Lmax=.....; Bmax=.....;

D=..... Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



N^o

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)

REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY FISHERIES^(*)

.....(**).....

Chứng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) có các thông số dưới đây đã được
đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries^() with the following
specifications has been registered into The Vietnam National Vessel*

Registration Book:

Tên tàu:
Name of Vessel

Chủ tàu:
Vessel owner

Kiểu tàu:
Type of Vessel

Tổng dung tích, GT:
Gross Tonnage

Chiều dài L_{max} , m:
Length overal

Chiều dài thiết kế L_{tk} , m:
Length

Chiều cao mạn D , m:
Draught

Vật liệu vỏ:
Materials

Năm và nơi đóng:
Year and Place of Build

Số lượng máy:
Number of Engines

Ký hiệu máy
Type of machine

Số máy
Number engines

Hồ hiệu:

Signal Letters

Nơi thường trú:

Residential Address

Công dụng (nghề):
Used for (fishing gear)

Trọng tải toàn phần: tấn
Dead weight

Chiều rộng B_{max} , m:
Breadth overal

Chiều rộng thiết kế B_{tk} , m:
Breadth

Chiều chìm d , m:
Depth

Tốc độ tự do hl/h :
Speed

Tổng công suất (kW):
Total power

Công suất
(kW)
Power

Năm và nơi chế tạo
*Year and place of
manufacture*

Cảng đăng ký:

Port Registry

Số đăng ký:

Number or registry

Giấy chứng nhận này có hiệu lực
đến^(***):

This certificate is valid until

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:

Register of Vessels

Cấp tại ..., ngàytháng...năm.....

Issued at... Date

CHI CỤC TRƯỞNG

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU^(***)

TTT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Ghi chú (note):

(*) Xóa bỏ chỗ không phù hợp (*Remove the wrong place*).

(**) Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục Thủy sản (*the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries*); Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the Directorate of Fisheries*).

(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trần đối với trường hợp thuê tàu trần, không thời hạn đối với các trường hợp khác.

(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**1. Mặt ngoài của trang bìa**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chủ tàu:.....

Số sổ:.....

Năm.....

Quy cách sổ:

- Kích thước: A5 (14,8 x 21) mm;
- Bìa nền màu đỏ, các trang nền màu trắng.

2. Trang 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Tên tàu cá:

Số đăng ký:

Chiều dài tàu:

Nơi đăng ký:

Chủ tàu cá:

Nơi thường trú:

Sổ danh bạ này gồm 60 trang,
 được đánh số thứ tự từ 01 đến 60

.....Ngày tháng.....năm.....

CHI CỤC THỦY SẢN

(Ký tên, đóng dấu)

Năm.....

3. Trang 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD; Ngày cấp, nơi cấp	Chức danh	Số văn bằng/chứng chỉ	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					
...					

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....Ngày tháng.....năm.....
XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC THỦY SẢN
(Ký tên, đóng dấu)

4. Trang 3 đến trang 18

THAY ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Thuyền viên được thay		Thuyền viên mới			Ghi chú
	Họ và tên	Chức danh	Họ và tên	Số CMND/CCCD; ngày cấp, nơi cấp	Số văn bằng, chứng chỉ	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
.....						
....						

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....Ngày tháng.....năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

5. Trang 19 đến trang 60:

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá Ngày.....tháng..... năm..... Nội dung:..... Nhận xét:..... Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Ký, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày.....tháng.....năm..... Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét:..... Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Ký, đóng dấu)</i>
Cập cảng	Nhập bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá Ngày... ..tháng..... năm..... Nội dung:..... Nhận xét:..... Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Ký, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày.....tháng.....năm..... Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét:..... Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Ký, đóng dấu)</i>

02. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

- Trình tự thực hiện: (sửa đổi, bổ sung)

* **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ: Số 19 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

* **Bước 2:**

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Công chức tiếp nhận kiểm tra thành phần và tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn, nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản xem xét tính đầy đủ của hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung.

* **Bước 3:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi cục Thủy sản cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Chi cục Thủy sản trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

* **Bước 4:** Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng theo phiếu hẹn hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- Thành phần, số lượng hồ sơ: (sửa đổi, bổ sung)

+ Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký, Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản cũ; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.

+ Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên.

+ Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đề nghị.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản tỉnh Sóc Trăng.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*

- **Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** *(sửa đổi, bổ sung)*

+ Luật Thủy sản năm 2017.

+ Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

+ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)**

Kính gửi:

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CMND:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Số đăng ký:.....

Năm, nơi đóng:.....

Nơi đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu: L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

--	--	--	--	--

3. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ ()**

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

Ghi chú:

() Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp*

*(**) Không áp dụng đối với tàu công vụ thủy sản*

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



N^o

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN(*)

REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY FISHERIES(*)

.....(**).....

Chứng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản(*) có các thông số dưới đây đã được
đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries() with the following
specifications has been registered into The Vietnam National Vessel*

Registration Book:

Tên tàu: <i>Name of Vessel</i>	Hồ hiệu: <i>Signal Letters</i>
Chủ tàu: <i>Vessel owner</i>	Nơi thường trú: <i>Residential Address</i>
Kiểu tàu: <i>Type of Vessel</i>	Công dụng (nghề): <i>Used for (fishing gear)</i>
Tổng dung tích, GT: <i>Gross Tonnage</i>	Trọng tải toàn phần: tấn <i>Dead weight</i>
Chiều dài L_{max} , m: <i>Length overal</i>	Chiều rộng B_{max} , m: <i>Breadth overal</i>
Chiều dài thiết kế L_{tk} , m: <i>Length</i>	Chiều rộng thiết kế B_{tk} , m: <i>Breadth</i>
Chiều cao mạn D, m: <i>Draught</i>	Chiều chìm d, m: <i>Depth</i>
Vật liệu vỏ: <i>Materials</i>	Tốc độ tự do hl/h: <i>Speed</i>
Năm và nơi đóng: <i>Year and Place of Build</i>	
Số lượng máy: <i>Number of Engines</i>	Tổng công suất (kW): <i>Total power</i>
Ký hiệu máy Số máy <i>Type of Number engines</i> <i>machine</i>	Công suất (kW) <i>Power</i>
	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>

Cảng đăng ký:

Port Registry

Số đăng ký:

Number or registry

Giấy chứng nhận này có hiệu lực
đến^(***):

This certificate is valid until

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:

Register of Vessels

Cấp tại ..., ngàytháng...năm.....

Issued at... Date

CHI CỤC THỦY SẢN

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU^(***)

TTT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Ghi chú (note):

(*) Xóa bỏ chỗ không phù hợp (*Remove the wrong place*).

(**) Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục Thủy sản (*the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries*); Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the Directorate of Fisheries*).

(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trần đối với trường hợp thuê tàu trần, không thời hạn đối với các trường hợp khác.

(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.

03. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá

- Trình tự thực hiện: (sửa đổi, bổ sung)

* **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ: Số 19 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

* **Bước 2:**

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Công chức tiếp nhận kiểm tra thành phần và tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn, nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản xem xét tính đầy đủ của hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung.

* **Bước 3:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi cục Thủy sản cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* **Bước 4:** Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng theo phiếu hẹn hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- Thành phần, số lượng hồ sơ: (sửa đổi, bổ sung)

+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng.

+ Bản sao có chứng thực các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: Văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp.

+ Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đề nghị.
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản tỉnh Sóc Trăng.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*
- **Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** *(sửa đổi, bổ sung)*

Điều 23 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT quy định:

Tàu cá, tàu công vụ thủy sản được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời trong các trường hợp sau đây:

- + Tàu chưa có biên lai nộp lệ phí trước bạ.
- + Tàu đóng mới để di chuyển về nơi đăng ký chính thức.
- + Tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: *(sửa đổi, bổ sung)*

- + Luật Thủy sản năm 2017.
- + Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.
- + Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)**

Declaration for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries^()*

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản)^(**)
To: (Name of competent authority registration of fishing vessel, ships duty fisheries)

Người đề nghị:.....
Applicant

Nơi thường trú:
Residential Address:

Số CCCD/CMND:.....
Identity card/citizen identity card:

Số Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá.....Cơ quan cấp.....
Number of certificate of deregistration of fishing vessel.....Granting agencies.....

Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....
Business code (if any):

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với nội dung dưới đây:

Kindly for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries^() with the following particulars:*

1. Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Basic specifications of ship

Tên tàu:..... Hô hiệu:

Name of Vessel *Call sign*

Kiểu tàu: Vật liệu:

Type of Vessel *Materials*

Công dụng/ngành:

Used for/fishing gears

Năm và nơi đóng
Year and Place of Build

Chiều dài lớn nhất L_{max} Chiều dài thiết kế L_{tk}

Length overall *Length*

Chiều rộng lớn nhất $B_{\max}$ Chiều rộng thiết kế B_{tk}
Breadth overall *Breadth*
 Chiều cao mạn D Chiều chìm d
Draught *Depth*
 Tổng dung tích: Trọng tải toàn phần:
Gross tonnage (GT) *Deadweight (DW)*
 Số lượng máy Tổng công suất.....
Number of engines *Total Power*

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

The name, address and value of shares of each ownership

TT	Họ và tên <i>Full name</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Chứng minh nhân dân <i>Identification card</i>	Giá trị cổ phần <i>Equity value</i>

3. Lý do xin đăng ký tạm thời tàu:

Reasons to temporary registration of ship

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

I pledge to use the vessel in accordance with the registered content and strictly comply with the provisions of the law of the Vietnamese.

....., ngày tháng năm

Date.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (note):

* Xóa bỏ chỗ không phù hợp (*Remove the wrong place*). ** Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục Thủy sản (*the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries*); Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the Directorate of Fisheries*).

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



N^o

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)**

*Certificate of temporary registration of import Fishing Vessel/ships duty
fisheries^(*)
.....(**).....*

Chúng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries^() with the following
specifications has been temporarily registered*

Tên tàu:

Name of Vessel

Chủ tàu:

Vessel owner

Kiểu tàu:

Type of Vessel

Tổng dung tích, GT:

Gross Tonnage

Chiều dài L_{max}, m:

Length overal

Chiều dài thiết kế L_{tk}, m:

Length

Chiều cao mạn D, m:

Draught

Vật liệu vỏ:

Materials

Năm và nơi đóng:

Year and Place of Build

Số lượng máy:

Number of Engines

Hô hiệu:

Signal Letters

Nơi thường trú:

Residential Address

Công dụng (nghề):

Used for (fishing)

Trọng tải toàn

phần:

Dead weight

Chiều rộng B_{max}, m:

Breadth overal

Chiều rộng thiết kế B_{tk}, m:

Breadth

Chiều chìm d, m:

Depth

Tốc độ tự do hl/h:

Speed

Tổng công suất (kW):

Total power

Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>
---------------------------------------	---------------------------------	--------------------------------	--

.....

Nơi đăng ký:

Place Registry

Số đăng ký:

Number or registry

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:

Register of Vessels

Giấy chứng nhận này có giá trị đến
ngày

This certificate is valid until

Cấp tại ..., ngày

....tháng...năm.....*Issued at*

Date

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú (note):

* Xóa bỏ chỗ không phù hợp (*Remove the wrong place*). ** Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục Thủy sản (*Sub-department of Fisheries*); Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the Directorate of Fisheries*).

04. Thủ tục: Xóa đăng ký tàu cá

- Trình tự thực hiện: *(sửa đổi, bổ sung)*

* **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ: Số 19 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

* **Bước 2:**

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Công chức tiếp nhận kiểm tra thành phần và tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn, nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản xem xét tính đầy đủ của hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung.

* **Bước 3:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi cục Thủy sản cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022; bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ đã cắt góc phía trên bên phải và hồ sơ đăng ký gốc của tàu cho chủ tàu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* **Bước 4:** Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng theo phiếu hẹn hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá được cấp 01 bản chính cho chủ tàu.

+ Đối với tàu cá bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm không thể trực vớt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Thủy sản, chậm nhất 30 ngày kể từ ngày tàu cá bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm, chủ tàu phải nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cho cơ quan nơi tàu cá đăng ký (trừ trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất); Cơ quan đăng ký tàu cá xóa tên tàu cá trong sổ đăng ký tàu cá quốc gia.

+ Đối với tàu cá mất tích được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Thủy sản, cơ quan đăng ký tàu cá mất tích phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Chậm nhất 30 ngày, sau thời hạn 01 năm kể từ ngày có thông báo, chủ tàu có tàu cá mất tích phải nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cho cơ quan nơi tàu cá đăng ký (trừ trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất); Cơ quan đăng ký tàu cá xóa tên tàu cá trong sổ đăng ký tàu cá quốc gia.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** *(sửa đổi, bổ sung)*

+ Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đề nghị.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản tỉnh Sóc Trăng.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*

- **Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều 72 Luật Thủy sản quy định:

* Tàu cá bị xóa đăng ký thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Tàu cá bị hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm không thể trục vớt.

+ Tàu cá bị mất tích sau 01 năm kể từ ngày thông báo chính thức trên phương tiện thông tin đại chúng.

+ Tàu cá được xuất khẩu, bán, tặng cho, viện trợ.

+ Theo đề nghị của chủ tàu cá.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** *(sửa đổi, bổ sung)*

+ Luật Thủy sản năm 2017.

+ Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

+ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

MẪU TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

Kính gửi:(1)

Đề nghị xóa đăng ký...(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày/...../20....
Kindly deregister the with the following particulars from date

Tên(3)..... Hô hiệu/số IMO:
Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):
Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):
Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:
Place of registry

Số đăng ký:; Ngày đăng ký:

Number of registration

Date of registration

Cơ quan đăng ký:
The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký
Reasons to deregister

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ ⁽⁴⁾

Date....., ngày ... tháng ... năm...

CHỦ SỞ HỮU

Owner

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký *The ship Registration office*

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(3) *Tên phương tiện Name of transport facility*

4) *Không áp dụng đối với tàu công vụ thủy sản*

Mẫu số 11.ĐKT- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
Certificate of deregistration of Fishing Vessel

.....(1) Chúng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu cá quốc gia:

..... *Hereby certify that the ship with the following particulars has been deregistered from the Viet Nam National ships registration book:*

Tên(3)..... Hô hiệu/Số IMO:
Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu):
Owner (name, address, ratio of ownership)

Số GCN đăng ký:
Number of registration

Ngày đăng ký:
Date of registration

Cơ quan đăng ký:
The Registrar of ship

Người đề nghị (tên, địa chỉ):
Applicant (name, address)

Lý do xóa đăng ký
Reasons to deregister

Ngày có hiệu lực xóa đăng ký:
Date of deregister

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

CHI CỤC TRƯỞNG

Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại tàu đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản
Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(3) Tên tàu
Name of transport facility

05. Thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)

- Trình tự thực hiện: (sửa đổi, bổ sung)

* **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ: số 19 đường Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng (Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến, phần mềm Một cửa điện tử tỉnh, email, fax - nếu có).

* **Bước 2:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm quyền kiểm tra thông tin, thẩm định hồ sơ và thực hiện:

+ Chứng nhận khi thông tin trong Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác được kê khai đầy đủ và đúng theo quy định; xác nhận vào mục C của Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác khi nguyên liệu chưa sử dụng hết, trả lại 01 bộ hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị (bao gồm bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác khi nguyên liệu chưa sử dụng hết) và lưu bản sao hồ sơ tại cơ quan thẩm quyền.

+ Không chứng nhận khi thông tin kê khai trong hồ sơ không đúng với thông tin về tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác; trường hợp không chứng nhận, cơ quan thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Giấy chứng nhận cấp lại phải có số trùng với số của bản gốc Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác đã cấp và có thêm ký hiệu “R” ở phần “số giấy chứng nhận”; cơ quan thẩm quyền cấp giấy thông báo việc cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác cho các cơ quan thẩm quyền có liên quan.

* **Bước 3:** Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng theo phiếu hẹn hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua môi trường mạng.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** (sửa đổi, bổ sung)

* **Thành phần hồ sơ đề nghị chứng nhận gồm:**

+ Bản sao Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT; trường hợp nguyên liệu thủy sản chưa sử dụng hết, tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận nộp bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác để cơ quan thẩm quyền xác nhận phần nguyên liệu chưa sử dụng; Trường hợp nguyên liệu thủy sản đã sử dụng hết, cơ quan thẩm quyền thu bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và lưu hồ sơ.

+ Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường châu Âu hoặc theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm

theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin.

+ Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá Việt Nam và Thông tin vận tải theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT.

*** Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận gồm:**

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT.

+ Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin.

+ Bản gốc Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn, bị sai thông tin (trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản tỉnh Sóc Trăng.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác đã ký và đóng dấu.

- **Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** (sửa đổi, bổ sung)

+ Mẫu số 01, Mẫu số 02a, mẫu số 02b, mẫu số 03, mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT.

+ Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** (sửa đổi, bổ sung)

+ Luật Thủy sản năm 2017.

+ Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

+ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

MẪU GIẤY XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN KHAI THÁC**A. XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN KHAI THÁC**

Số xác nhận: XXXXX/20...../SC-AA-BB ¹						Tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận:						
Tên tổ chức quản lý cảng cá:						Địa chỉ:						
Địa chỉ:						Điện thoại: ; Fax: ; Email:						
Điện thoại:						Tổ chức, cá nhân được ủy quyền xác nhận:						
Fax:						Địa chỉ:						
Email:						Điện thoại: ; Fax: ; Email:						
Thông tin tàu cá						Mô tả sản phẩm						
Số đăng ký tàu cá	Họ và tên chủ tàu/thuyền trưởng	Chiều dài lớn nhất của tàu (m)	Inmarsat, Fax, điện thoại (nếu có)	Nghề khai thác thủy sản ²	Số giấy phép khai thác thủy sản	Số giấy phép khai thác	Vùng ³ và thời gian khai thác	Tên loài thủy sản	Ngày bốc dỡ thủy sản	Tổng khối lượng nguyên liệu mua từ tàu cá (kg)	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg)	Ghi chú
Tổng												

....., ngày tháng năm

Tổ chức quản lý cảng cá

(ký tên, đóng dấu)

¹ XXXXX, gồm 5 số là số thứ tự của giấy xác nhận: 20..... là năm xác nhận; AA là mã của tỉnh theo Phụ lục IV; BB là viết tắt của 02 chữ đầu tên cảng cá.

² Nghề khai thác thủy sản theo mã tại Phụ lục V.

³ Vùng khai thác thủy sản theo mã tại Phụ lục VI.

B. MÔ TẢ NGUYÊN LIỆU

Mô tả nguyên liệu đã sử dụng đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác (lần....)/Description of raw materials used for the Catch Certificate					
TT No.	Tên tàu/Số đăng ký của tàu	Tên loài thủy sản	Khối lượng nguyên liệu đã sử dụng (kg)	Khối lượng sản phẩm đề nghị chứng nhận ⁴	Chữ ký và dấu của nhà máy chế biến ⁵
1					
2					
3					
...					

....., ngày tháng năm

Tổ chức, cá nhân xuất khẩu
(ký tên, đóng dấu)

C. XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU: ngày tháng năm

[Cơ quan quản lý Thủy sản cấp tỉnh] xác nhận khối lượng còn lại của nguyên liệu thủy sản trong Giấy xác nhận sau khi cấp Giấy chứng nhận số:

1.
2.
3.

Thủ trưởng đơn vị.....
(ký tên, đóng dấu)

⁴ Khối lượng nguyên liệu đã sơ chế (đánh vảy, cắt vảy, đầu, bỏ nội tạng...) không bao gồm phụ gia.

⁵ Nếu nhà máy chế biến không phải tổ chức cá nhân xuất khẩu.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC

MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
DIRECTORATE OF FISHERIES
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CATCH CERTIFICATE**CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC**

Document number Số chứng nhận.XXXX/20..../CC-AA

1. Authority's name Tên
cơ quan thẩm
quyền.....

Address

chỉ.....

Địa

Tel.....

Fax

2. Information of Fishing vessel is indicated on the Appendix 2a Thông tin về tàu cá khai thác chi tiết xem Phụ đính 2a kèm theo

3. Description of Products Mô tả
sản phẩm ⁽¹⁾

Type of processing authorized on board (if
available)

Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép (nếu
có).....

Species Loài	Product code Mã sản phẩm	Catch area(s) and dates Vùng và thời gian khai thác	Estimated live weight Khối lượng nguyên liệu ước tính của lô hàng ⁽²⁾ (kg)	Estimated weight to be landed Khối lượng lên bến ước tính của tàu cá (nếu có) ⁽³⁾ (kg)	Verified weight landed Khối lượng nguyên liệu đã được xác nhận ⁽⁴⁾ (kg)

4. References of applicable conservation and management measures Tham chiếu các
quy định về quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ⁽⁵⁾

.....

.....							
.....							
.....							
5. Name of master of fishing vessel – Signature – seal Tên thuyền trưởng tàu cá – Chữ ký – dấu ⁽⁶⁾ (Information details is indicated on the logbook of fishing vessel, if request Thông tin chi tiết xem nhật ký khai thác thủy sản, gửi kèm khi có yêu cầu)							
6. Declaration of transshipment at sea Khai báo chuyển tải trên biển ⁽⁷⁾ (nếu có):	No không ☐	Yes có ☐ (Information details is indicated on the logbook of receiving vessel, if request Thông tin chi tiết xem nhật ký khai thác thủy sản, gửi kèm khi có yêu cầu)					
Name of master of fishing vessel (Tên thuyền trưởng tàu khai thác)	Signature and date Chữ ký và ngày		Transshipment date/area/position Ngày/khu vực/vị trí chuyển tải		Estimated weight Khối lượng ước tính (kg)		
Master of receiving vessel/ representative Tên thuyền trưởng tàu nhận/ Người đại diện	Signature Chữ ký		Vessel name Tên tàu		Call sign Hô hiệu	IMO/ Lloyd's number (if issued) Số IMO, Lloyd's (nếu có)	
7. Transshipment authorization within a Port area Xác nhận chuyển hàng tại cảng							
Name Tên	Port authority Cơ quan quản lý cảng	Signature Chữ ký	Address Địa chỉ	Tel Điện thoại	Port of landing Cảng lên cá	Date of landing Ngày lên cá	Seal Dấu
8. Name and address of exporter Tên chủ hàng xuất khẩu			Signature Chữ ký		Date Ngày		Seal Dấu
9. Flag state authority validation Chứng nhận của Cơ quan thẩm quyền nước treo cờ							
Full name Họ và tên			Signature Chữ ký:		Date Ngày		Seal Dấu

Title Chức vụ				
10. Transport details, see Appendix 2b attached Thông tin vận tải, xem Phụ đính 2b kèm theo				
11. Importer declaration Khai báo của đơn vị nhập khẩu				
Name of importer Tên đơn vị nhập khẩu Address Địa chỉ	Signature Chữ ký	Date Ngày	Seal Dấu	Product CN code Mã CN sản phẩm
As regulated by the imported authorities: Theo quy định của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu:	Reference Tài liệu tham chiếu			
12. Import control – authority Cơ quan thẩm quyền kiểm soát nhập khẩu	Place Địa điểm	Importation authorized Cho phép nhập khẩu	Importation suspended Chưa cho phép nhập khẩu	Verification requested – date Yêu cầu kiểm tra – ngày
Customs declaration, if issued Khai báo hải quan, Nếu có	Number Số		Date Ngày	Place Địa điểm:

Ghi chú:

- (1) Mô tả chi tiết thông tin của lô hàng xuất khẩu: dạng đóng hộp, phối trộn, cấp đông, nguyên con, khối lượng tịnh....; khối lượng các loài... hoặc theo yêu cầu của đơn vị nhập khẩu
- (2) Sử dụng khi thủy sản được xuất khẩu sống, khi một phần của sản phẩm khai thác cập cảng được xuất khẩu, khi các sản phẩm khai thác được chế biến trước khi xuất khẩu
- (3) Sử dụng khi sản phẩm khai thác cập cảng tại nước mà tàu đó treo cờ hoặc cảng nước khác và xuất khẩu toàn bộ sản phẩm
- (4) Sử dụng khi toàn bộ khối lượng của lô hàng xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền cân kiểm tra trước khi chứng nhận
- (5) Ghi tên các văn bản liên quan đến quy định quản lý và bảo tồn nguồn lợi thủy sản
- (6) Trường hợp không có chữ ký của thuyền trưởng tàu khai thác ghi tên người đại diện chủ tàu hoặc chủ hàng
- (7) Trường hợp không có chữ ký của thuyền trưởng tàu nhận ghi tên người đại diện chủ tàu hoặc chủ hàng

ADDITIONAL INFORMATION FOR FISHERIES PRODUCTS OBTAINED FROM THE FISHING VESSELS OF VIET NAM

Đính kèm Chứng nhận số/Attached to the Catch
certificate:.....

Quốc gia tàu treo cờ: State/Flag: Việt Nam

Các thông tin sau cần thu thập trong quá trình chứng nhận/The following information in section should be included if available at the moment of request for validation:

Số vận đơn/Invoice No.:..... ; Số công-ten-no/Container No.:..... ; Nước đến/Destination country:

Đơn vị nhập khẩu/Importer:

Muc II/Section II:

[illegible]

										Tổng g/ Total			

⁶ Khối lượng nguyên liệu tại chú thích 4

Attached to the Catch certificate/Đính kèm Chứng nhận số:.....

Nhà máy chế biến (Không phải của tổ chức, cá nhân xuất khẩu) Processing plant (if different from the processing plant)		Cơ quan thẩm quyền/Validating authority	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal	Tên và địa chỉ/Name and address	
Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/Exporter		Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày/Date
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal		

"Tôi cam kết rằng những thông tin trên là đúng sự thực và phù hợp với khai báo ở trên"

"I hereby declare that the above information is true and corresponds to the above described export"

THÔNG TIN VẬN TẢI/TRANSPORT DETAILS

Số chứng nhận/Document number			
1. Quốc gia xuất khẩu/Country of Exportation: Cảng/sân bay/địa điểm xuất phát khác/Port/airport/other place of departure:			
Tên tàu/nước treo cờ/Vessel name/flag: Số chuyến/số vận đơn đường biển/Voyage No./Bill of landing No: Số chuyến bay/Số vận đơn hàng không/Flight number/Airway bill number: Quốc tịch xe và số đăng ký/Truck nationality and registration number: Số vận đơn đường sắt/Railway bill number: Các giấy tờ vận tải khác/Other transport documents:			
2. Chữ ký của chủ hàng xuất khẩu/Exporter Signature			
Số công-ten-nơ, xem danh sách kèm theo Container number (s), see list below	Tên của nhà xuất khẩu Name of Exporter	Địa chỉ Address	Chữ ký Signature

**CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU CÓ NGUỒN
GỐC TỪ THỦY SẢN KHAI THÁC TRONG NƯỚC THEO QUY ĐỊNH
CỦA ỦY BAN QUỐC TẾ VỀ BẢO TỒN CÁ NGŨ ĐẠI TÂY DƯƠNG
(ICCAT)**

**CATCH STATEMENT FOR RAW MATERIAL BY ICCAT's
REGULATIONS**

*(Promulgated under Circular No:/2018/TT-BNNPTNT dated on by
Minister of Ministry of Agriculture and Rural Development)*

**A. XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU CÁ NGŨ MẮT TO XUẤT KHẨU ĐI
ICCAT**

DOCUMENT NUMBER/SỐ TÀI LIỆU	ICCAT BIGEYE TUNA STATISTICAL DOCUMENT/ THỐNG KÊ SẢN LƯỢNG CÁ NGŨ MẮT TO THEO ICCAT
EXPORT SECTION/Phần xuất khẩu:	
1. FLAG COUNTRY/ENTITY/FISHING ENTITY/Tên quốc gia treo cờ	
2. DESCRIPTION OF VESSEL/ Mô tả tàu thuyền (If applicable/nếu có) Vessel Name/Tên tàu Registration Number/Số đăng ký LOA(m) ICCAT Record No./Số đăng ký theo ICCAT (If applicable/nếu có)	
3. TRAPS/Phương thức dẫn dụ (If applicable/nếu có)	
4. POINT OF EXPORT/Nơi xuất khẩu (City/Thành phố, State?Province/Tỉnh, Country/Entity/Fishing Entity/Nước xuất khẩu)	
5. AREA OF CATCH/Vùng khai thác (Check one of the following/Đánh dấu vào một trong các ô sau) (a) Atlantic ☐ (b) Pacific ☐ (c) Indian ☐ ^a In case of (b) or (c) is checked, the items 6 and 7 below do not need to be filled out/Nếu mục (b) hoặc (c) được đánh dấu thì mục 6 và 7 bên dưới không cần điền thông tin	
6. DESCRIPTION OF FISH/Mô tả sản phẩm Product Type/Loại sản phẩm (*1) Time of Harvest/thời gian khai thác Gear Code/Mã ngư cụ (*2) F/FR RD/GG/DR/FL/OT (mm/yy) Net Weight/khối lượng (kg)	

--	--	--	--	--

*1 F=Fresh/tươi, FR=Frozen/cấp đông, RD=Roud/nguyên con, GG=Gilled&Gulled/bỏ mang và nội tạng, DR=Dressed/khối lượng thân, FL=Fillet,
 OT=Others/kiểu khối lượng khác (Describe the type of product/Mô tả cụ thể:.....)

*2 When the Gear Code is OT, Describe the type of gear/Khi mã ngư cụ là kiểu khác cần mô tả cụ thể:

7. EXPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận xuất khẩu:
 I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief.
 Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi.
 Name/Tên Address/Địa chỉ Signature/Chữ ký Date/Ngày Licence#/Cấp phép
 (If applicable/Nếu có)

8. GOVERNMENT VALIDATION/Xác nhận của cơ quan thẩm quyền:
 I validate that the above information in complete, true and correct to the best of my knowledge and belief.
 Tôi xác nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi.
 Total weight of the shipment/Khối lượng của lô hàng: kg
 Name & Title/Tên và chức danh Signature/Chữ ký Date/Ngày Government Seal/Đóng dấu

IMPORT SECTION/Phần nhập khẩu:
9. IMPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận nhập khẩu:
 I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi
 Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)
 Name/Tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép
 Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)
 Name/Tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép
 Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Final Destination of Shipment/Nước cuối cùng nhập khẩu)

Name/Tên	Address/địa chỉ	Signature/chữ ký	Date/ngày	License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép
Importer Certification (Final Destination of Shipment)				
Final Point of Import/Nơi nhập khẩu cuối cùng: City/Thành phố..... State/Province/Bang, tỉnh.....				
Country/Entity/Fishing Entity/Nước nhập khẩu				

B. XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU CÁ KIỂM XUẤT KHẨU ĐI ICCAT

DOCUMENT NUMBER/SỐ TÀI LIỆU	ICCAT SWORDFISH STATISTICAL DOCUMENT THỐNG KÊ SẢN LƯỢNG CÁ KIỂM THEO ICCAT
EXPORT SECTION/Phần xuất khẩu:	
1. FLAG COUNTRY/ENTITY/FISHING ENTITY/Tên quốc gia treo cờ	
2. DESCRIPTION OF VESSEL/ Mô tả tàu thuyền (If applicable/nếu có) Vessel Name/Tên tàu Registration Number/Số đăng ký LOA(m) ICCAT Record No./Số đăng ký theo ICCAT (If applicable/nếu có)	
3. POINT OF EXPORT/Điểm xuất khẩu: City, State or Province/Thành phố, tỉnh Country/Entity/Fishing Entity/Nước xuất khẩu:	
4. AREA OF CATCH/Vùng khai thác (Check one of the following/Đánh dấu vào một trong các ô sau) (a) North Atlantic ☐ (b) South Atlantic ☐ (c) Mediterranean (d) Pacific ☐ (e) Indian ☐ * In case of (d) or (e) is checked, the items 5 and 6 below do not need to be filled out./Trường hợp (d) hoặc (e) được đánh dấu thì mục 5 và 6 không cần phải điền thông tin.	
5. DESCRIPTION OF FISH/Mô tả sản phẩm Product Type/Loại sản phẩm (*1) Time of Harvest/thời gian khai thác Gear Code/Mã ngư cụ (*2) F/FR RD/GG/DR/FL/OT (mm/yy) Net Weight/khối lượng (kg)	

*1 F=Fresh/tươi, FR=Frozen/cấp đông, RD=Roud/nguyên con, GG=Gilled&Gulled/bò mang và nội tạng, DR=Dressed/khối lượng thân, FL=Fillet,

OT=Others/kiểu khối lượng khác (Describe the type of product/Mô tả cụ thể:.....)

*2 When the Gear Code is OT, Describe the type of gear/Khi mã ngư cụ là kiểu khác cần mô tả cụ thể:

6. EXPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận xuất khẩu: For export to countries that have adopted the ICAAT alternative minimum size for swordfish the exporter must certify that the listed Atlantic swordfish are greater than 15 kg (33 lb.) or if pieces, the pieces were derived from a swordfish weighing > 15 kg. Khi xuất khẩu tới những nước đã thông qua quy định về kích thước tối thiểu cho phép khai thác đối với cá Kiếm, nhà xuất khẩu phải chứng nhận rằng cá Kiếm Đại Tây Dương có trong danh sách phải lớn hơn 15 kg (33 lb) hoặc sản phẩm xuất khẩu được làm từ cá Kiếm có khối lượng lớn hơn 15 kg (33 lb)

I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi.

Name/Tên Address/Địa chỉ Signature/Chữ ký Date/Ngày License #/Cấp phép(If applicable/Nếu có)

7. GOVERNMENT VALIDATION/Xác nhận của cơ quan thẩm quyền:

I validate that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi xác nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi.

Total weight of the shipment/Khối lượng của lô hàng: kg

Name & Title/Tên và chức danh Signature/Chữ ký Date/Ngày Government Seal/Đóng dấu

IMPORT SECTION/Phần nhập khẩu:

8. IMPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận nhập khẩu:

I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)

Name/Tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)

Name/Tên	Address/địa chỉ	Signature/chữ ký	Date/ngày	License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép
Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Final Destination of Shipment/Nước cuối cùng nhập khẩu)				
Name/Tên	Address/địa chỉ	Signature/chữ ký	Date/ngày	License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép
Importer Certification (Final Destination of Shipment)				
Final Point of Import/Nơi nhập khẩu cuối cùng: City/Thành phố.....				
State/Province/Bang, tỉnh.....				
Country/Entity/Fishing Entity/Nước nhập khẩu				

Mẫu số 05 (Phụ lục III)-Thông tư 21/2018/TT-BNNPTNT

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC
THỦY SẢN KHAI THÁC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC**

Kính gửi:

Tên đơn đề nghị:; Điện thoại:

Địa chỉ:

Giấy ĐKKD số:; Ngày cấp:

Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác số: đã
được cơ quan cấp ngày tháng năm

Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận:

Đề nghị cơ quan thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai
thác để lô hàng của chúng tôi đủ điều kiện xuất khẩu theo yêu cầu của

Chúng tôi cam đoan về những nội dung trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm về thông tin đã kê khai./.

Đại diện chủ hàng
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Nội dung sửa đổi, bổ sung của Thủ tục hành chính liên quan đến Mẫu giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác:

Thay thế Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bằng Mẫu số 4 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

06. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

- Trình tự thực hiện: (sửa đổi, bổ sung)

* **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ: Số 19 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

* **Bước 2:**

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Công chức tiếp nhận kiểm tra thành phần và tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn, nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản xem xét tính đầy đủ của hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung.

* **Bước 3:**

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi cục Thủy sản thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, cá nhân đề nghị.

+ Chi cục Thủy sản tiến hành giám sát an toàn kỹ thuật tàu cá theo quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan. Đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT, theo tiến độ thi công, trước khi lắp đặt trên tàu cá, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá phải nộp (bản sao và xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu) Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị sản xuất trong nước) hoặc Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị nhập khẩu) hoặc chứng nhận kiểm định theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp máy chính là máy thủy đã qua sử dụng không đáp ứng theo quy định tại điểm đ khoản này thì phải được cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra, đánh giá theo Mẫu số 07.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Trường hợp kết quả không đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành giám sát kỹ thuật, Chi cục Thủy sản thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân; trường hợp kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra, Chi cục Thủy sản cấp cho chủ tàu các giấy tờ:

. Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04n.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT.

. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT.

. Sổ đăng kiểm tàu cá đối với trường hợp kiểm tra đóng mới, lần đầu theo Mẫu số 06.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT.

* **Bước 4:** Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng theo phiếu hẹn hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** (sửa đổi, bổ sung)

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá theo Mẫu số 03.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Bản chụp hồ sơ thiết kế đã được thẩm định (đối với trường hợp đóng mới, cải hoán tàu cá).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đề nghị.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản tỉnh Sóc Trăng.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** (sửa đổi, bổ sung)

+ Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04n.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Sổ đăng kiểm tàu cá đối với trường hợp kiểm tra đóng mới, lần đầu theo Mẫu số 06.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

- **Phí, lệ phí:** Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (sửa đổi, bổ sung)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị theo Mẫu số 03.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. (sửa đổi, bổ sung)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** (sửa đổi, bổ sung)

+ Luật Thủy sản năm 2017.

+ Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

+ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

+ Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)**

Kính gửi:

Họ tên người đề nghị:.....

Địa chỉ:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:.....

Điện thoại.....Fax.....Email.....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm kiểm tra(**)..... và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*)

Kích thước cơ bản (m): L_{max} : ; B_{max} :; D :.....

L_{tk} :; B_{tk} : ; d :

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):; Số thuyền viên:.....

Ký hiệu máy chính:

Tổng công suất máy chính (kW):Số lượng máy chính (chiếc):.....

Thời gian và địa điểm đề nghị kiểm tra:.....

.....
Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.

CHỦ TÀU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích: () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

*(**) Ghi rõ: Kiểm tra đóng mới, lần đầu, định kỳ, trên đà, hàng năm hay bất thường.*

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

T T	Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất, Ne <i>(kW)</i> <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and Place of Build</i>

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số/ĐKTC, ngày tháng năm

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

Fishing vessel register certify that

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (*Technical state of the fishing vessel*).....

- Cấp tàu <i>The class</i>	Không hạn chế <i>Unlimited</i>	Hạn chế I <i>Limitations I</i>	Hạn chế II <i>Limitations II</i>	Hạn chế III <i>Limitations III</i>

Được phép hoạt động tại:.....

Allowed to operate at.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngày tháng năm

This certificate is valid until Date.....

Cấp tại, ngàytháng.....năm.....

Issued at Date.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**SỔ ĐĂNG KIỂM
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

Số sổ:/20.../ ĐKTC-CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

- Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu công vụ thủy sản được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thoả mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
 - Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.
 - Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu công vụ thủy sản dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.
 - Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, mất tích).
 - Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu công vụ thủy sản phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.
- Cấp tại.....ngày.....tháng.....năm.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu: Năm đóng:
Nơi đóng:
Công dụng (nghề):
Số lượng thuyền viên:

THÂN TÀU

Kích thước $L_{\max}, m$:; $B_{\max}, m$:; D, m :
 L_{TK}, m :; B_{TK}, m :; d, m :
Tổng dung tích (GT):; Mạn khô f, m :
Trọng tải toàn phần (DW):; Vật liệu vỏ:
Hệ thống kết cấu:; Tốc độ tàu :hl/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Máy số 1	Máy số 2	Máy số 3
Ký hiệu máy:			
Số máy:			
Công suất định mức N_e, KW			
Vòng quay định mức $n_e, v/ph$			
Nơi chế tạo:			
Năm chế tạo:			
Kiểu hộp số:			
Tỷ số truyền, tiến:			
lùi:			

MÁY PHỤ

TT	Ký hiệu máy	Công suất N_e , KW	Vòng quay n_e , v/ph	Công dụng	Nơi chế tạo

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật	Chân vịt 1	Chân vịt 2	Chân vịt 3
Kiểu:			
Vật liệu chế tạo:			
Vòng quay n_{cv} , v/ph:			
Đường kính D_{cv} , m:			
Số cánh Z:			
Khối lượng, Kg:			
Tỉ số H/D:			
Tỉ số mặt đĩa θ :			

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:..... Số lượng:..... Sức chở: ...người
 Dụng cụ nổi:..... Số lượng:.... Sức chở: ...người
 Phao tròn: chiếc Phao áo: chiếc

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát:..... Kiểu máy phát:
 Công suất (KW): Điện áp (V):
 Ắc quy loại: dung lượng (Ah): Số lượng: ...

THIẾT BỊ KHÍ NÉN

Ký hiệu máy nén:; Số lượng và dung tích bình:

THIẾT BỊ KHAI THÁC**Máy khai thác:**

Loại máy	Sức kéo định mức (KG)	Năm, nơi chế tạo

Hệ thống động lực dẫn động:

Ký hiệu máy: Công suất (KW):

Lưới: Kích thước:; trọng lượng (KG):.....

Dụng cụ đánh bắt khác:

Hệ thống tăng gông:

Thiết bị phụ (Trụ ván, pully, con lăn...):.....

Cầu: Kiểu loại:.....Số lượng (cái): Vật liệu:

Kết cấu: Tầm với (m):

Tải trọng (KG):; Móc cầu (cái):

Pa lăng (cái):.....; Tải trọng (KG):.....; Ròng rọc(cái):

Hệ thống ánh sáng: Tổng công suất (KW):.....

Loại đèn, số lượng (cái):.....

THIẾT BỊ LẠNH

☐ Máy nén: Số lượng:.... cái

Áp suất nén: KG/cm² Tác nhân lạnh:

Năm và nơi sản xuất:

☐ Bình ngưng Số lượng:.... cái Dung tích:m³

Áp suất : KG/cm²

Năm và nơi sản xuất:

TRANG BỊ CỨU HOẢ

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng:.....m³/h

Bình bọt: bình Bình CO₂ :
bình

☐ Ròng rọc ☐ Xô múc nước ☐ Cát

☐ Xà beng ☐ Xẻng ☐ Rìu ☐ Bạt

TRANG BỊ HÚT KHÔ/CHÔNGTHÙNG

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng: m³/h
 Bơm tay: Số lượng: Lưu lượng: m³/h
☐ Bạt chống thùng ☐ Gỗ chống thùng
☐ Xi măng chống thùng ☐ Đồ nghề và đinh
☐ Phoi xảm, dụng cụ xảm ☐ Matít

TRANG BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

☐ Máy thu phát vô tuyến MF/HF:
☐ Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF:
☐ Máy thu phát VHF hai chiều:
☐ Máy thu trực canh tần số cấp cứu:
☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ HÀNG HẢI

☐ La bàn từ ☐ La bàn lái ☐ Sào đo nước
☐ Ống nhòm ☐ Đồng hồ đo nghiêng ☐ Bộ cờ hàng hải
☐ Rada hàng hải ☐ Máy thu định vị vệ tinh GPS
☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ TÍN HIỆU

☐ Đèn tín hiệu hành trình: ☐ Pháo hiệu:
☐ Đèn tín hiệu đánh cá: ☐ Âm hiệu:
☐ Vật hiệu: ☐ Đèn tín hiệu nhấp nháy:

HÀM HÀNG

Hầm cá: Số lượng: Tổng dung tích: tấn
 Hầm nước: Số lượng: Tổng dung tích: tấn
 Các hầm khác: ☐ Neo..... ☐ Dụng cụ..... ☐ Tạp vật.....

THIẾT BỊ NEO - CHẰNG BUỘC

Loại neo: ; Năm, nơi chế tạo:
 Trọng lượng neo: Neo phải: kg Neo trái: kg
 Chiều dài xích neo: Neo phải: m Neo trái: m
 Đường kính xích/cáp neo: mm
 Thiết bị chằng buộc:
 Dây buộc: Loại: Số lượng: Chiều dài: m
 Cột buộc: Kiểu: Số lượng: Vật liệu:

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính kiểu:; Lái phụ kiểu:
 Truyền dẫn lái:

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h:
 - Đường kính vòng quay trở:
 Quay phải, *m*: ; Thời gian, *s*:
 Quay trái, *m*: ; Thời gian, *s*:
 - Quán tính:
 Tiền, khoảng cách, *m*: ; Thời gian, *s*:
 Lùi, khoảng cách, *m*: ; Thời gian, *s*:

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

- Tàu được nhận cấp với ký hiệu dưới đây:

- Trạng thái kỹ thuật của tàu:
 - Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm
 - Được phép hoạt động tại vùng:
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

Ngàytháng năm

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

This image shows a single sheet of white paper with horizontal blue or grey ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*):.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:

Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
....., ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất :

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
....., ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
....., ngày

Nơi kiểm tra:

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04

Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ
 ngày đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01 :
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định
 kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ
 ngày đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:

 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*).....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định
 kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ
 ngày đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số....
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ
 ngày đến ngày; tại:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.

.....ngày.....tháng.....n
 ăm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
,
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng
 năm) lại.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
,
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

CHỦ SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

...ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU CÁ**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/ĐKTC.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...



**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ
DỤNG TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU CÁ**

Theo yêu cầu của:.....

Chúng tôi gồm: 1.....

2.....

3.....

Là đăng kiểm viên tàu cá thuộc Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....

Tiến hành kiểm tra kỹ thuật máy thủy đã qua sử dụng của.....

và đánh giá tình trạng kỹ thuật của máy thủy đã qua sử dụng như sau:

I. TÀI LIỆU KỸ THUẬT KÈM THEO MÁY

TT	Tên tài liệu	Ghi chú	
		Có	Không có
1	Tài liệu kỹ thuật của máy		
2	Giấy xác nhận của nhà sản xuất máy hoặc chứng thư giám định, chứng nhận:		
2.1	Động cơ được thiết kế, chế tạo dùng để lắp đặt làm máy chính lai chân vịt trên các phương tiện thủy		
2.2	Được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 21:2015/BGTVT - Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép, các quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá, hoặc phù hợp với Tiêu chuẩn của các nước G7 về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.		

II. KIỂM TRA BÊN NGOÀI ⁽¹⁾

TT	Nội dung kiểm tra	Các thông số/tình trạng kỹ thuật	Đánh giá	
			Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Nhà sản xuất			
2	Ký hiệu máy:			

3	Số máy:	Trên thân máy			
		Trên nhãn máy			
4	Công suất máy, Ne (kW)				
5	Vòng quay định mức (rpm)				
6	Năm/nơi chế tạo				
7	Số xy lanh (chiếc)				
8	Nắp máy, thân máy và các thiết bị phục vụ máy				
9	Hệ thống đồng hồ đo áp lực dầu				
10	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát				
11	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ khí xả				
12	Đồng hồ đo vòng quay máy				

III. THỬ HOẠT ĐỘNG ⁽²⁾

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	Thông số kỹ thuật cho phép	Đánh giá	
				Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Thử khởi động máy liên tục từ trạng thái nguội ⁽³⁾				
2	Thử vòng quay ổn định thấp nhất, $n_{\min}$ (rpm) ⁽⁴⁾				
3	Thử tăng tốc và giảm tốc đột ngột, nhiều lần (không dưới 3 lần) ⁽⁵⁾ .				
4	Thử tốc độ lớn nhất, $n_{\max}$ (rpm) ⁽⁶⁾ .				
5	Áp lực dầu bôi trơn (kg/cm ²)				
6	Nhiệt độ dầu bôi trơn (°C)				
7	Nhiệt độ nước làm mát vòng trong (°C)				
8	Nhiệt độ khí xả (°C)				

IV. KẾT LUẬN

Căn cứ kết quả kiểm tra từ mục II đến mục III, Đăng kiểm viên kết luận: (Máy thủy đã qua sử dụng đủ điều kiện hay không đủ điều kiện lắp đặt trên tàu cá):.....

CHỦ TÀU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN
XUẤT/CƠ SỞ CUNG
CẤP MÁY**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Máy không nứt, vỡ, hàn vá, móp méo; các chữ, số in trên nhãn máy rõ ràng phù hợp với tài liệu kỹ thuật của máy; các đồng hồ đo còn đầy đủ, nguyên vẹn.
- (2) Thử tại xưởng. Cho phép thử sau khi đã lắp đặt xuống tàu đối với trường hợp chủ tàu cam kết chịu trách nhiệm tháo máy đưa ra khỏi tàu nếu kết quả thử không thỏa mãn.
- (3) Khởi động 12 lần đối với động cơ đảo chiều; 6 lần đối với động cơ không đảo chiều; quá trình thử không cấp thêm không khí nén cho bình khí nén khởi động máy (hoặc điện năng cho ắc quy khởi động máy); máy khởi động dễ dàng, không có lần thử nào không đạt kết quả.
- (4) Khi máy chạy đã nóng, giảm lượng cấp nhiên liệu đến mức tối thiểu, máy làm việc ổn định ở chế độ vòng quay nhỏ hơn 30% vòng quay định mức, trong thời gian ≥ 10 min.
- (5) Động cơ làm việc ổn định, không tự dừng, không có tiếng gõ bất thường của các cơ cấu chuyển động.
- (6) Tốc độ tối đa của động cơ không vượt quá 115% vòng quay định mức./.

07. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá

- Trình tự thực hiện: *(sửa đổi, bổ sung)*

* **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (địa chỉ: Số 19 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

* **Bước 2:**

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Công chức tiếp nhận kiểm tra thành phần và tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn, nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản xem xét tính đầy đủ của hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung.

* **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành thẩm định thiết kế, nếu không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT và đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế.

* **Bước 4:** Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng theo phiếu hẹn hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

- Thành phần, số lượng hồ sơ: *(sửa đổi, bổ sung)*

+ Đơn đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá theo Mẫu số 01.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

+ Hồ sơ thiết kế tàu cá (03 bản).

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân đề nghị.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản tỉnh Sóc Trăng.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá/tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*

- **Phí, lệ phí (nếu có):** 5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính. *(sửa đổi, bổ sung)*

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá theo Mẫu số 01.BĐ Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT. *(sửa đổi, bổ sung)*

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** *(sửa đổi, bổ sung)*

+ Luật Thủy sản năm 2017.

+ Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

+ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

+ Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN(*)

Kính gửi:

Đơn vị thiết kế:

Địa chỉ :

Điện thoại :Fax :Email :

Chúng tôi đề nghị được thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản(*) với các thông tin như sau:

- Tên/Ký hiệu thiết kế:.....Loại/năm thiết kế:.....

- Các thông số chính của tàu :

+ Chiều dài, $L_{\max}$ (m):... ; Chiều rộng, $B_{\max}$ (m):...; Chiều cao mạn, D (m) :.....

+ Trọng tải toàn phần (DW):..... ; Vật liệu thân tàu :.....

+ Ký hiệu máy chính :.....; Tổng công suất máy chính (kW).....

+ Số lượng máy (chiếc) :..... ; Số lượng thuyền viên:

+ Kiểu và công dụng (nghề) của tàu:.....

- Tên/địa chỉ chủ sử dụng thiết kế:.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định hiện hành.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú : () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**

Căn cứ(*)...và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước

Theo đề nghị thẩm định thiết kế số.....ngày.....tháng.....nămcủa.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỆM.....**CHỨNG NHẬN**

Tên thiết kế: Ký hiệu thiết kế:.....

Loại thiết kế: Năm thiết kế :

Công dụng (hoặc nghề) : Vật liệu thân tàu :

Đơn vị thiết kế :

Kích thước cơ bản (m): $L_{\max}$: ; $B_{\max}$: ; D :.....

L_{tk} :; B_{tk} : ; d :

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):; Số thuyền viên:

Ký hiệu máy chính:

Tổng công suất máy chính (kW): Số lượng máy chính (chiếc):.....

Đã được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của.....(*)...và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Cấp tàu: Vùng hoạt động:

Chủ sử dụng thiết kế:.....

Địa chỉ:

Hiệu lực của Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế này là 60 tháng kể từ ngày ký, nếu không có thay đổi thiết kế đã được thẩm định.

Những lưu ý:.....

Cán bộ thẩm định kỹ thuật:.....

Cấp tại ngày

Nơi nhận :

- Chủ thiết kế (02 bản);
- Đơn vị giám sát (01 bản);
- Lưu đơn vị thẩm định.

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

(ký tên, đóng dấu)

Chú thích : (*) : Ghi rõ quy phạm áp dụng.